

Bản án số: 23/2017/HSST
Ngày: 19/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tím.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Quân và ông Nguyễn Quang Châu.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Đình Hội – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Hồng Hoa – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã S, huyện K, tỉnh Đ, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 23/2017/HSST, ngày 02 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T; sinh năm 1988, tại tỉnh Đ; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn Q, xã S, huyện K, tỉnh Đ; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1937, con bà Bùi Thị T sinh năm 1954; vợ: Sầm Thị L, sinh năm 1990 và 01 con sinh năm 2016; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 13, ngày 16/3/2017 của Cơ quan CSĐT Công an huyện K – Có mặt.

Người bị hại: Ông Bùi Tấn Bửu. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn K62, xã Đắk Drô, huyện K, tỉnh Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Bùi Thị Ty (Vắng mặt)

Anh Nguyễn Văn Thanh. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: thôn Quảng Hà, xã Đắk Sôr, huyện K, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Thực hiện kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện K về việc tổ chức cưa đốn cây trồng, phá dỡ vật kiến trúc trên đất đai tại khu vực rừng đặc dụng cảnh quan Dray Sáp. Ngày 08/12/2016 đoàn công tác của huyện gồm có ông Bùi Tấn B (giám đốc quỹ đất), Đặng Văn Th (chuyên viên trung tâm quỹ đất), ông Hà Văn T (địa chính xã S), ông Đỗ Văn N (công an xã S), ông Hoàng Văn S, ông Văn Bé T đến tại khu rừng đặc dụng tại thác Dray Sáp để tiến hành giải tỏa mặt bằng.

Đến khoảng 10 giờ cùng ngày đoàn công tác đến thửa đất của gia đình bà Bùi Thị T tại thôn L, xã S, huyện K thì bà Ty không có mặt tại đó và đoàn công tác đã tiến hành

lập biên bản vắng mặt bà T, trong lúc đang lập biên bản thì có Nguyễn Văn T (con trai bà Ty) đến cầm theo 01 con dao phát dài khoảng 1,2m đi từ trong vườn cà phê đến chỗ đoàn công tác đang làm việc và có những lời nói xúc phạm, lăng mạ đoàn công tác. Thấy vậy ông Bùi Tấn B đã đứng ra giải thích cho T biết nội dung mà đoàn công tác làm việc, đồng thời đưa ra phương án để gia đình lựa chọn, nhưng T không đồng ý. T cho rằng việc đền bù chưa thỏa đáng và tiếp tục có những lời lẽ xúc phạm, hù dọa đoàn công tác, T có nói “thằng nào cưa cà phê của tao thì tao chém chết”. Trong lúc ông B chỉ đạo công nhân thực hiện việc cưa đốn cây thì T chạy đến ngăn cản không cho đoàn làm nhiệm vụ. Lúc đó có anh trai của T là Nguyễn Văn Th chạy đến có hỏi ông B về việc việc hỗ trợ đền bù thì Th được ông B giải thích như đã giải thích với T, nhưng T cũng không đồng ý và đã nói “chưa đền bù thỏa đáng thì đừng có ai chặt cà, ai mà chặt tôi chém chết”. Sau đó Nguyễn Văn T cầm dao phát chém 01 nhát về phái người ông B, nhưng ông B né được, lúc đó anh Đỗ Văn N và anh Nguyễn Văn Th đã đến khống chế T, nhưng T vẫn tiếp tục chửi bới, xúc phạm và chống đối không cho đoàn công tác thực hiện nhiệm vụ, nên ông B cho đoàn công tác dừng lại và đi về.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã thu giữ: 01 con dao phát dài 01 m, cán dao được làm bằng gỗ dài 60cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 30cm, đầu lưỡi găm, phần đai làm bằng kim loại dài 10cm, lưỡi dao phần rộng nhất 4,5cm, đường kính cán dao 3cm.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng và thừa nhận VKSND huyện K truy tố bị cáo là đúng, không oan.

Tại bản luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K khẳng định việc truy tố bị cáo Nguyễn Văn T ra trước Toà án nhân dân huyện K để xét xử về tội “Chống người thi hành công vụ”, theo khoản 1 Điều 257 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội đúng pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như bản cáo trạng. Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Chống người thi hành công vụ”.

Áp dụng khoản 1 Điều 257, các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 đến 12 tháng tù, nhưng được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND xã S, huyện K, tỉnh Đ để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Đối với Nguyễn Văn T cũng có lời nói nhằm đe dọa đoàn công tác nhằm cản trở việc thực hiện nhiệm vụ của đoàn, tuy nhiên tính chất, mức độ không quyết liệt, chưa đến mức xử lý trách nhiệm hình sự. Khi thấy Nguyễn Văn T dùng dao phát dơ lên để chém ông thì Thanh cũng đã ngăn cản, khống chế T không cho T tiếp tục thực hiện hành vi tương tự. Vì vậy việc cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện K ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Thanh là có căn cứ, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

Về xử lý vật chứng : Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (một) dao phát dài 01 m, cán dao

được làm bằng gỗ dài 60 cm, lưỡi dao làm bằng kim loại dài 30 cm đầu lưỡi găm, phần đai làm bằng kim loại dài 10 cm, lưỡi dao phần rộng nhất 4,5 cm, đường kính cán dao 03 cm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 10 giờ ngày 08/12/2016 đoàn công tác của Ủy ban nhân dân huyện K thực hiện việc giải tỏa mặt bằng đối với diện tích đất của gia đình bà Bùi Thị T bị thu hồi tại khu vực rừng đặc dụng cảnh quan thác Dray Sáp thuộc thôn L, xã S, huyện K. Để ngăn cản việc thực hiện nhiệm vụ của Đoàn công tác, Nguyễn Văn T đã có lời lẽ xúc phạm, lăng mạ, đe dọa đoàn công tác và đã có hành vi dùng dao phát chém 01 nhát về phía người ông Bùi Tấn B tổ trưởng tổ công tác, nhưng ông B né được nên không trúng người ông B.

Với hành vi mà bị cáo Nguyễn Văn T đã thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Chống người thi hành công vụ*”, theo khoản 1 Điều 257 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 điều 257 Bộ luật hình sự quy định:

“Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến sự hoạt động bình thường, đúng đắn của cơ quan Nhà nước, gây cản trở cho người đang thi hành công vụ và gây ảnh hưởng xấu đến nền trật tự trị an ở địa phương. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi chống người thi hành công vụ là vi phạm pháp luật nhưng vì ý thức xem thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đủ để răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Tuy nhiên, Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo có bố đẻ tham gia kháng chiến được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng; Người bị hại có đơn bãi nại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó bị cáo có đủ điều kiện được hưởng tiết giảm nhẹ nêu trên theo quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Hơn nữa do chính sách pháp luật hình sự của Nhà nước ta hiện nay có sự thay đổi theo hướng có lợi cho bị cáo được quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội áp dụng theo hướng có lợi cho bị cáo nên bị cáo T còn được hưởng thêm tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, cụ thể, có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù thì không ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng , chống tội phạm. Xét thấy không cần bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, vì vậy cần áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình bị cáo phối hợp giám sát, giáo dục, thể hiện chính sách khoan hồng và nhân đạo của pháp luật.

Đối với hành vi của Nguyễn Văn Th có lời nói nhằm đe dọa đoàn công tác nhằm cản trở việc thực hiện nhiệm vụ của đoàn, tuy nhiên tính chất, mức độ không quyết liệt, chưa đến mức xử lý trách nhiệm hình sự. Khi thấy Nguyễn Văn T dùng dao phát để chém ông B thì Th cũng đã ngăn cản, không chế T không cho T tiếp tục thực hiện hành vi tương tự. Vì vậy, việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Th là có căn cứ, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

Về biện pháp tư pháp: Vật chứng của vụ án Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã thu giữ 01 con dao phát dài 01 m, cán dao được làm bằng gỗ dài 60cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 30cm, đầu lưỡi găm, phần đai làm bằng kim loại dài 10cm, lưỡi dao phần rộng nhất 4,5cm, đường kính cán dao 3cm. Xét thấy vật chứng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo bị kết án là có tội nên phải nộp án tiền phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Chống người thi hành công vụ*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 257; điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù nhưng được hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND xã S, huyện K, tỉnh Đ để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy 01 con dao phát (*vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao nhận ngày 02/6/2017 giữa Công an huyện K và Chi cục thi hành án dân sự huyện K*).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án Tòa án hoặc Tòa án niêm yết bản án lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- Sở TP tỉnh Đ;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- THADS huyện K;
- Bộ phận HSNVCS (CA huyện);
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

LÊ THỊ TÍM